

Tổ chức Bảo tồn Chim Quốc tế tại Việt Nam
Tổ chức Bảo tồn Động thực vật hoang dã quốc tế Chương trình Đông dương
Dự án Danida tài trợ

**Khảo sát nhanh đa dạng sinh học
tại xã Chế Tạo, huyện Mù Cang Chải,
tỉnh Yên Bái, Việt Nam**

**Andrew W. Tordoff,
Lê Trọng Đạt
và
James Hardcastle**

*Báo cáo này thuộc kết quả của Dự án Tăng cường năng lực quy hoạch bảo tồn
tại Cam Pu Chia, Lào và Việt Nam.*

Hà Nội, tháng 5 năm 2001

1. Giới thiệu chung

Đây là báo cáo kết quả đợt khảo sát nhanh Đa dạng sinh học do Tổ chức Bảo tồn Chim quốc tế Chương trình Việt Nam và Tổ chức Bảo tồn Động Thực vật hoang dã quốc tế Chương trình Đông dương thực hiện tại xã Chế Tạo, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Báo cáo là một phần kết quả của Dự án Tăng cường năng lực quy hoạch bảo tồn tại Cam Pu Chia, Lào và Việt Nam.

1.1 Mục đích và đối tượng khảo sát

Mục đích của đợt khảo sát này nhằm đánh giá chất lượng khu vực xã Chế Tạo và phụ cận có phải là một Khu vực Quan trọng cho Sự sống của các loài chim (*Important Bird Area IBA*) hay không. Các Khu vực Quan trọng cho Sự sống của các loài chim (*IBAs*) đã đạt tiêu chuẩn được quốc tế công nhận mang ý nghĩa toàn cầu trong việc bảo tồn chúng. Các khu vực này không chỉ quan trọng cho các loài chim mà còn cung cấp nơi sinh sống rộng lớn cho các loài động thực vật quý giá khác.

Các mục tiêu cụ thể của đợt khảo sát là:

- Thu thập số liệu về tình trạng và phân bố của các loài chim ở Chế Tạo, đặc biệt là những loài có phân bố hẹp và đang bị đe dọa ở mức độ toàn cầu.
- Thu thập số liệu về tình trạng và phân bố của các loài linh trưởng ở Chế Tạo, đặc biệt là Voọc xám (*Trachypithecus phayrei*).
- Thu thập số liệu về tình trạng và phân bố của các loài Bò sát và Lưỡng cư ở Chế Tạo.

Các số liệu khảo sát thu thập được sẽ bổ sung cho nghiên cứu tiền khả thi đang được Tổ chức Bảo tồn Động Thực vật hoang dã quốc tế thực hiện để xúc tiến thành lập khu bảo tồn ở Chế Tạo.

1.2 Địa điểm khảo sát

Địa bàn khảo sát chủ yếu trong địa phận xã Chế Tạo (từ 21°37'đ đến 21°46'N tới 103°55'đ đến 104°09'E) nhưng đồng thời cũng bao gồm một phần phụ cận thuộc huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Riêng tại khu vực thung lũng Nàng Lu thuộc địa giới Mường La và dọc theo đường giống ranh giới giữa tỉnh Yên Bái và tỉnh Sơn La ở phía bắc thung lũng này đã tiến hành 6 ngày khảo sát. Trên đường trở ra Ngã Ba Kim, tiến hành 4 ngày khảo sát nữa ở các khu vực đất nông nghiệp và trồng cỏ cây bụi xung quanh Phình Hồ, Nả Háng thuộc xã Chế Tạo và Ngã Ba Kim thuộc xã Púng Luông.

1.3 Lịch trình

15/4/2001	Đi thị xã Yên Bái, làm các thủ tục.
16/4/2001	Đi thị trấn Mù Cang Chải Căng Chải, làm các thủ tục.
17/4/2001	Đi bản Phình Hồ.
18/4/2001	Đi bản Nả Háng.
19-25/4/2001	Đi rừng Nàng Lu.
26/4/2001	Trở ra bản Phình Hồ.
27/4/2001	Trở ra xóm Ngã Ba Kim.
28/4/2001	Quay về thị xã Yên Bái.
29/4/2001	Quay về Hà Nội.

2. Chim

2.1 Phương pháp

Các loài chim được khảo sát thông qua quan sát trực tiếp và nghe tiếng hót. Khảo sát được thực hiện chủ yếu ở khu vực thung lũng Nàng Lu và dọc theo đường giồng phía bắc của thung lũng này. Việc quan sát được thực hiện liên tục trong khoảng thời gian từ 6h00 sáng tới 18h00 chiều và khoảng từ 1 - 2 giờ buổi tối. Sinh cảnh chính ở thung lũng Nàng Lu là rừng thường xanh trên núi thấp, phân bố ở độ cao từ 1000m đến 1900m. Sinh cảnh chính ở trên đường giồng phía bắc của thung lũng này là rừng thường xanh trên núi cao, phân bố từ 1900m đến 2445m. Bốn ngày tiếp theo khảo sát ở khu vực trảng cỏ cây bụi, đất nông nghiệp và các sinh cảnh chịu nhiều tác động của con người quanh các bản Nả Háng, Phình Hồ và NgãBa Kim. Tuy nhiên, việc đi lại tiêu tốn rất nhiều thời gian nên đã hạn chế kết quả khảo sát chim ở đây. Khảo sát chỉ được thực hiện trong khoảng thời gian ngắn vào buổi sáng sớm và chiều tối nên các ghi nhận ngẫu nhiên đã bị giới hạn.

2.2 Kết quả

Tổng số 81 loài chim đã được ghi nhận trong đợt khảo sát, tất cả đã được xác định tên tới loài, chỉ có 1 loài mới xác định được tới giống (Phụ lục 1). Ở các cuộc khảo sát trước ở Chế Tạo có thêm 27 loài chim mà trong cuộc khảo sát này không ghi nhận được (Long và cộng sự 2000). Do đó tổng số loài chim đã được ghi nhận ở khu vực Chế Tạo lên tới 107 loài.

Khu hệ chim ở Chế Tạo mang đặc điểm của khu vực rừng thường xanh trên núi cao miền Bắc Việt Nam. Họ chim chích có nhiều đại diện nhất với 39 loài, chiếm một tỷ lệ lớn trong các loài có phân bố hẹp ở vùng rừng núi cao. Rừng Chế Tạo có một số lượng lớn các loài chim có phân bố hẹp. 25 loài chim ở Chế Tạo là loài có phân bố hẹp trong vùng rừng á nhiệt đới dãy Himalaya - phần thuộc Trung Quốc. 12 loài khác là loài có phân bố hẹp trong vùng rừng ôn đới dãy Himalaya - phần thuộc Trung Quốc.

Trong 107 loài chim ghi nhận được ở Chế Tạo, có tới 98 loài (chiếm 92% tổng số) được ghi nhận ở Khu Bảo tồn Hoàng Liên, tỉnh Lào Cai, cách Chế Tạo 50 km về phía bắc (Tordoff và cộng sự 1999). Điều này cho thấy sự rất giống nhau về khu hệ chim giữa hai khu vực, bởi Chế Tạo cũng nằm trong dãy Hoàng Liên Sơn và cũng có sự đa dạng tương tự về các kiểu sinh cảnh khu vực núi cao. Do có sự giống nhau về khu hệ chim giữa hai khu vực nên có lẽ nhiều loài trong số 347 loài chim đã ghi nhận có ở Hoàng Liên Sơn cũng sẽ có tại Chế Tạo. Tuy nhiên, có thể một số nhỏ các loài có phân bố rất hẹp ở khu vực cao nhất của Khu Bảo tồn Hoàng Liên Sơn có thể không có mặt tại Chế Tạo. Các loài để căn cứ thuộc loại này có thể bao gồm các loài có phân bố hẹp như loài Khướu cánh đỏ *Garrulax formosus*.

Các loài quan trọng

Niệc cổ hung *Aceros nipalensis*

Các số liệu về loài này đều được ghi nhận ở thung lũng Nàng Lu (21°38'N; 104°04'E). Ngày 21/4/2001 vào lúc 7h20, nghe được tiếng của một con ở khu vực rừng thường xanh trên núi thấp (1800m). Lúc 11h50 cùng ngày, nhìn thấy 1 con đực (có thể là con chim trước đó) tại khu vực rừng ở thấp hơn gần đó (1600m). Con chim bay dọc theo phía bắc của thung lũng khoảng 200m trong 4 lần được gián đoạn bằng các đợt nghỉ ngắn khoảng chừng 30 giây và kêu "kuup, kuup, kuup" trong thời gian đó. Nghe được cả tiếng cánh vỗ của nó nhưng không to và xé gió mạnh như ở loài Niệc mỏ vằn *Aceros undulatus*. Lúc 10h00 ngày 22/4/2001, lại nghe thấy tiếng một con khác nhưng ở xa nên không thể xác định chính xác vị trí. Lúc 11h50 và 12h55 ngày 23/4/2001 nhìn thấy một con đực (có thể là cùng 1 con nhưng cũng có thể là 2 con khác nhau) ở khu vực rừng thấp hơn (1200m). Lần cuối cùng, ngày 24/4/2001 nhìn thấy một con đực ở cùng khu vực.

Thảm thực vật ở thung lũng Nàng Lu là rừng thường xanh trên núi thấp, có độ cao từ 900m – 1900m và rừng thường xanh trên núi cao, có độ cao trên 1900m. Các ghi nhận về Niệc cổ hung đều ở rừng thường xanh trên núi thấp có các loài ưu thế là các loài trong họ Đậu, Ngọc lan và một loài lá kim là Pơ mu *Fokienia hodginsii*. Tại một số điểm Pơ mu chiếm hơn 25% số lượng cây trưởng thành. Tầng tán rừng kín và đồng đều, tầng vượt tán là những cây Pơ mu. Chiếm ưu thế ở tầng dưới tán là những loài tre trúc nhỏ *Arundinaria* sp. Rừng ở đây hầu như còn nguyên sơ chưa bị tác động và cũng không có đường mòn hay dấu vết hoạt động của con người.

Anh Sùng A Phà, trưởng bản Nả Háng cho biết Niệc cổ hung có ở 3 thung lũng gần bản. Anh này ước lượng có khoảng 6 - 7 con ở thung lũng Nàng Lu, 16 con ở thung lũng Chua La, 2 -10 con ở thung lũng Mí Làng và khoảng 4 con ở thung lũng Háng Đê Sơn Đâu. Do đó, anh ta cho rằng quần thể Niệc cổ hung ở khu vực Nả Háng có khoảng từ 28 - 37 cá thể.

Do những hạn chế trong đợt khảo sát này, nên không thể đánh giá tình trạng của Niệc cổ hung tại các khu vực khác của Chế Tạo cũng như các vùng rừng phụ cận. Hoàn toàn có thể còn các nhóm nhỏ khác của loài này đang tồn tại ở các thung lũng ở phía sườn núi bên kia. Trong tháng 5 năm 2001, các thành viên của ban Quản lý Bảo vệ rừng sẽ lần lượt thực hiện hàng loạt các cuộc phỏng vấn thợ săn ở các bản khác của xã Chế Tạo để có số liệu ước lượng độ lớn của quần thể loài này tại từng khu vực.

Anh Phà đồng thời cũng cung cấp thêm thông tin về sinh thái của Niệc cổ hung. Anh cho biết loài chim này thường tập trung thành đàn trong mùa có nhiều quả cây vào dịp tháng 8 và tháng 9, sau đó chúng phân thành từng đĩ trong mùa sinh sản. Chúng làm tổ trong thân các cây gỗ lớn, con cái ở trong tổ được bịt kín. Con đực kiếm mỗi mớm cho con cái và con non qua một lỗ nhỏ, điều này cho thấy tại sao khảo sát trên thực địa chỉ nhìn thấy các con đực đơn lẻ, bởi vì các con cái và con nhỏ vẫn còn trong tổ ở trên các thân cây lớn.

Loài chim đang bị đe dọa ở mức độ toàn cầu này được xếp ở mức *Sấp bị đe dọa* trong cuốn sách *Các loài chim đang bị đe dọa của thế giới*. Các mối đe dọa chính tới loài này là môi trường sống bị mất, bị suy thoái, bị phân cắt. Thêm vào đó chúng bị săn bắt khắp nơi, và càng nghiêm trọng hơn bởi chúng phải phụ thuộc vào các cây gỗ lớn để làm tổ, để kiếm mồi. Các mối đe dọa này đều có mặt ở Chế Tạo. Về lâu dài, quần thể này bị đe dọa bởi môi trường sống bị chia cắt và để quần thể phát triển tốt chúng cần một diện tích rừng lớn. Các mối đe dọa hiện nay vẫn còn tiềm tàng, tuy nhiên bằng biện pháp tái tạo rừng tạo ra một hành lang giữa rừng Chế Tạo và các diện tích rừng lớn ở các huyện Văn Bàn, Than Uyên và Sa Pa về hướng bắc sẽ đảm bảo cho việc bảo tồn loài này lâu dài loài này ở dãy Hoàng Liên.

Mối đe dọa lớn nhất hiện nay đối với quần thể Niệc cổ hung ở Chế Tạo đó là săn bắn, mặc dù trong những năm gần đây việc săn bắt Niệc cổ hung đã có dấu hiệu giảm nhiều. Anh Phà cho biết thời gian trước đây dân bản thường xuyên săn chúng nhưng từ khi một người có súng trường chuyển đi Lai Châu khoảng 3 năm gần đây thì chỉ có 1 con bị săn (chiếc mỏ còn lại của con chim này đã được chụp ảnh). Hơn nữa, anh Phà còn cho biết tuy loài chim này có kích thước lớn nhưng lại có rất ít thịt nên chủ yếu chỉ lấy mỏ để trang trí. Tuy vậy, số lượng quần thể còn lại của loài này nhỏ, chúng có tập tính sống tập trung và hoạt động săn bắn quá cao nên sự tồn tại của chúng trong tương lai khó có thể đảm bảo nếu không thực hiện ngay các biện pháp bảo tồn.

Lội suối *Cinclus pallasii*

Ngày 26/4/2001, nhìn thấy một con ở dọc một con suối được bao bọc bởi rừng mọc ven suối đã bị tác động chạy qua khu vực trắng cỏ cây bụi xen kẽ đất nông nghiệp ở độ cao 1400m cạnh bản Phình Hồ (tọa độ 21°43'N 104°06'E). Ngày hôm sau ở vị trí này 500m xuôi về dưới suối nhìn thấy một con nữa.

Chích đớp ruồi mở rộng *Tickellia hodgsoni*

Ngày 19/4/2001 nhìn thấy một con trong rừng thường xanh trên núi cao có độ cao 2100m dọc theo đường giồng phía bắc của thung lũng Nàng Lu (toạ độ 21°39'N 104°05'E). Ngày 20 và 22/4/2001 tại vị trí này nhìn thấy một đôi khác. Chích đớp ruồi mở rộng là 1 trong 4 loài có phân bố rất hẹp giới hạn trong dãy Fansipan và Vùng Đặc hữu chim bậc hai (*Secondary Endemic Bird Area*) Bắc Lào (Stattersfield và cộng sự 1998). Loài có phân bố hẹp thứ hai là loài Trèo cây mỏ vàng *Sitta solangiae* đã được ghi nhận trong đợt khảo sát trước (Long và cộng sự 2000). Bởi vậy Chế Tạo có đủ tiêu chuẩn xếp vào loại Vùng Đặc hữu chim bậc hai (*Secondary Endemic Bird Area*).

Khướu đuôi đỏ *Garrulax milnei*

Ngày 20/4/2001 quan sát được 4 con trong một nhóm hỗn hợp với 3 con Khướu đầu hung *Garrulax erythrocephalus* trong rừng thường xanh trên núi cao ở độ cao 2100m dọc đường giồng phía bắc thung lũng Nàng Lu (toạ độ 21°39'N 104°05'E).

Khướu đuôi cụt *Rimator malacoptilus*

Ngày 22 và ngày 24/4/2001 quan sát được một con trong rừng thường xanh trên núi cao ở độ cao 2100m dọc đường giồng phía bắc thung lũng Nàng Lu (toạ độ 21°39'N 104°05'E). Quan sát cả hai con đều di chuyển ở tầng dưới với loài ưu thế là tre trúc thấp *Arundinaria* sp., và đậu trên các cành tre trúc cách mặt đất chừng 30cm. Loài ở Chế Tạo thuộc loài phụ *R. m. pasquieri* đặc hữu ở dãy Hoàng Liên của Việt Nam.

Có một số tài liệu trước đây đã ghi nhận loài này ở vùng Sa Pa (Delacour và Jabouille 1931, Eames và Ericson 1939). Tuy nhiên, loài này đã không được ghi nhận lại ở Việt Nam trong suốt khoảng thời gian từ năm 1939 đến năm 2000 cho tới khi được tái phát hiện ở huyện Văn Bàn, cách Chế Tạo 20km về phía bắc (Long và cộng sự 2001). Ghi nhận ở Chế Tạo chỉ ra rằng loài này có thể khá phổ biến ở những sinh cảnh thích hợp và điều này phản ánh các khảo sát trước đây chưa được tiến hành kỹ lưỡng và thực tế loài này cũng rất dễ bị bỏ sót.

Khướu vằn gáy xanh *Actinodura souliei*

Ngày 20/4/2001 quan sát được một con trong rừng thường xanh trên núi cao ở độ cao 2100m dọc đường giồng phía bắc thung lũng Nàng Lu (toạ độ 21°39'N 104°05'E). Cũng tại khu vực này ngày 21/4/2001, ngày 22/4/2001 quan sát được một con, ngày 23/4/2001 quan sát được một con và ngày 24/4/2001 quan sát được hai con. Ở Đông Nam loài này chỉ phân bố hẹp ở Tây Bắc Bộ và đã ghi nhận được ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên, và huyện Văn Bàn (Tordoff và cộng sự 1999, Robson 2000, Long *thông báo miêng* 2001).

2.4 Kết luận

Rừng của xã Chế Tạo và các xã phụ cận khác có đủ điều kiện của một *Khu vực Quan trọng cho Sự sống của các loài chim* (*Important Bird Area*) bởi vì hội đủ các tiêu chuẩn sau đây:

Tiêu chuẩn A1: Là khu vực thường xuyên có một số lượng ý nghĩa của các loài bị đe dọa ở mức độ toàn cầu.

Khu vực Chế Tạo có một quần thể loài bị đe dọa ở mức độ toàn cầu là Niệc cổ hung. Đây là 1 trong 2 quần thể duy nhất của loài này còn tồn tại ở Việt Nam. Quần thể ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Mát tỉnh Nghệ An được xác định là “đã trở nên rất hiếm và rõ ràng đã suy giảm nhiều vì áp lực săn bắn” (Grieser John ed. 2001).

Tiêu chuẩn 2: Khu vực đã biết hoặc cho rằng chứa đựng thành phần của một nhóm loài sinh sản phát tán như là một Vùng đặc hữu chim cấp 1 (*Endemic Bird Area*) hoặc Vùng đặc hữu chim cấp 2 (*Secondary Endemic Bird Area*).

Chế TẠP có quần thể của 2 trong 4 loài có phân bố hẹp ở trong dãy Fansipan và Vùng Đặc huỷ chim bậc hai (*Secondary Endemic Bird Area*) Bắc Lào đó là: Chích đớp ruồi mở rộng và Trèo cây mỏ vàng. Nơi này cũng là môi trường sống cho loài có phân bố hẹp thứ 3 là Nước đười hổng *Harpactes wardi*, tuy nhiên loài này hiện giờ vẫn chưa được ghi nhận ở đây. Khu vực này có thể không có loài có phân bố hẹp thứ 4 là Khướu cánh đỏ tìm thấy ở Vùng Đặc huỷ chim bậc hai vì ở đây chỉ có một diện tích rất nhỏ rừng ở độ cao trên 2400m.

Tiêu chuẩn 3: Khu vực đã biết hoặc cho rằng chứa đựng thành phần của một nhóm loài phất tán lớn hoặc toàn bộ đã được xác định trong một quần xã sinh vật.

Chế TẠP có hơn 25 loại chim có phân bố hẹp trong vùng rừng á nhiệt đới dãy Hymalaya - phần thuộc Trung Quốc như Gà so họng hung *Arborophila rufogularis*, Gà so *Bambusicola fytchii*, Gà lờ trắng *Lophura nycthemer*, Niệc cổ hung *Aceros nipalensis*, Đuôi cụt đầu hung *Pitta oatesi*, Cu rốc đầu vàng *Megalaima franklinii*, Phường chèo nhỏ mỏ ngắn *Pericrocotus brivirostris*, Cành cạch ngực nâu *Pycnonotus xanthorrhous*, Cành cạch núi *Pycnonotus mclellandii*, Cành cạch đen *Pycnonotus leucocephalus*, Chim xanh hồng vàng *Chloropsis hardwickii*, Hoạ mi *Garrulax canorus*, Khướu đuôi đỏ *Garrulax milnei*, Kim oanh mỏ đỏ *Leiothrix lutea*, Khướu mỏ quặp đầu đen *Pteruthius rufiventer*, Khướu lùn cánh xanh *Minla cyanouroptera*, Lách tách họng vạch *Alcippe cinereiceps*, Lách tách đầu xám *Alcippe morrisonia*, Choác đầu đen *Heterophasia melanoleuca*, Khướu mỏ dẹt đầu xám *Paradoxonis gularis*, Khướu mỏ dẹt vàng *Paradoxonis verreauxi*, Chích mặt đen *Abroscopus schisticeps*, Đớp ruồi họng trắng *Ficedula monileger*, Bạc má mào *Parus spilonotus* và Bả p chuối đốm đen *Arachnothera magna*.

Chế TẠP còn có 12 loài chim nữa có phân bố hẹp trong vùng rừng nhiệt đới dãy Hymalaya - phần thuộc Trung Quốc như Gà so họng đen *Arborophila torqueola*, Khướu scaly *Garrulax subunicolor*, Khướu đất đuôi cụt *Proeopyga albiventer*, Khướu đất đuôi dài *Spelaeornis chocolatinus*, Khướu vằn gáy xanh *Actinodura souliei*, Khướu lùn đuôi hung *Minla strigula*, Khướu lùn đuôi đỏ *Mina ignotincta*, Lách tách ngực vàng *Alcippe chrystis*, Khướu mào họng đốm *Yuhina gularis*, Khướu cụt đuôi bụng vàng *Tesia castaneocoronata*, Khướu cụt đuôi *Tesia cyaniventer* và Chích mào xám *Phylloscopus maculipennis*.

2.4 Kiến nghị

1. Khảo sát tiếp theo nên tập trung vào khu vực rừng thường xanh trên núi đất thấp, loại rừng này đã không được khảo sát trong các đợt trước đây, khu vực này có thể có những loài chưa được ghi nhận trước đây bao gồm Rẽ giun thường *Gallinago nemoricola* và Trèo cây lưng đen *Sitta formosa*. Việc khảo sát tiếp theo ở khu vực rừng thường xanh trên núi cao có thể không phát hiện thêm nhiều loài mới nhưng có thể phát hiện được sự có mặt của loài Nước đười hổng tại đây.
2. Trước mắt, cần thực hiện ngay các biện pháp bảo tồn kiểm soát tình hình săn bắt chim đặc biệt là săn Niệc cổ hung. Các biện pháp này có thể bao gồm cả thực hiện hoạt động nâng cao nhận thức bảo tồn, ký kết quy ước thôn bản, và đưa việc hạn chế săn bắt vào trong các hợp đồng bảo vệ rừng.
3. Khu vực rừng thường xanh trên núi thấp chưa bị tác động rất quan trọng cho loài Niệc cổ hung. Việc khai thác chọn các loại gỗ nhất thiết phải được kiểm soát trong khu vực bởi vì Niệc cổ hung phải phụ thuộc vào các cây gỗ lớn để làm tổ và sinh sản.
4. Về lâu dài, sự chia cắt sinh cảnh và mất môi trường sống là các đe dọa nghiêm trọng nhất cho bảo tồn chim ở Chế TẠP. Các mối đe dọa này đặc biệt nghiêm trọng cho các loài có phân bố hẹp ở rừng thường xanh như Niệc cổ hung, Trèo cây mỏ vàng và rừng cũng là dạng sinh cảnh đang bị tàn phá với tốc độ nhanh nhất. Quản lý rừng ở khu vực này nên tập trung duy trì độ che phủ rừng đặc biệt là độ cao dưới 1900m, và thiết lập hành

lang sinh cảnh kết nối với các khu vực có rừng xung quanh, đáng chú ý nhất là khu vực rừng về phía bắc ở huyện Văn Bàn.

5. Nên triển khai một chương trình giám sát để theo dõi sự biến động về kích thước và phân bố của quần thể Niệc cổ hung ở Chế Tạc. Công tác theo dõi hàng năm nên tiến hành vào dịp tháng 10 mùa quả chín, khi đó Niệc cổ hung sẽ tập trung thành bầy có thể đếm và ước lượng được ở từng thung lũng.

3. Linh trưởng

3.1 Phương pháp

Phỏng vấn đã được tiến hành với 3 thợ săn ở bản Nả Háng đó là: ông Sùng Tráng Chu, anh Giàng A Chua và anh Sùng A Sử. Trong quá trình phỏng vấn đã khai thác những thông tin chi tiết về tình trạng và phân bố của Voọc xám *Trachypithecus phayrei* trong khu vực. Căn cứ vào những thông tin này các nỗ lực khảo sát ngoài thực địa đã tập trung vào khu vực thung lũng Nàng Lu. Riêng tại khu vực đáy thung lũng Nàng Lu đã tiến hành 3 ngày khảo sát tìm kiếm Voọc xám. Ngoài các khảo sát cụ thể tiến hành đối với Voọc xám, các số liệu về các loài linh trưởng khác cũng được thu thập.

3.2 Kết quả

Voọc xám *Trachypithecus phayrei*

Cả 3 thợ săn được phỏng vấn đều cho biết Voọc xám vẫn còn ở gần bản Nả Háng đó là: 1 đàn gồm khoảng 7-8 con ở thung lũng Nàng Lu, và 1 đàn ở thung lũng Chua La gồm khoảng 15-17 con.

Ngày 24/4/2001 vào lúc 6h30 nhìn thấy 1 đàn có khoảng 3 con trưởng thành và 1 con non màu vàng ở dọc theo suối Nàng Lu (toạ độ 21°38'N 104°04'E) có độ cao 1200m. Khoảng 15 phút sau lại nhìn thấy 2 con (có thể là 2 con của đàn trước) ở gần chỗ cũ. Các quan sát cho thấy rằng có ít nhất 1 đàn ở thung lũng Nàng Lu với số lượng cá thể tối thiểu là 4. Hơn nữa các quan sát cũng phù hợp với thông tin thu được từ phỏng vấn và điều này cho thấy thông tin đó có thể đáng tin cậy.

Cũng ngày 24/4/2001 vào lúc 15h00 anh Chua thông báo nhìn thấy khoảng 30 con Voọc xám trong đó có 7 con non (nhưng không có con nào còn bám theo mẹ), tại thung lũng Chua La (toạ độ 21°39'N 104°05'E) ở độ cao 2000m. Tuy nhiên trong lần phỏng vấn trước đó anh ta chỉ nói có khoảng 15-17 con, vì vậy có khả năng con số 30 cá thể trên đã bị phóng đại.

Khu vực đã nhìn thấy Voọc xám ở thung lũng Chua La vào buổi chiều ngày 24/4/2001 cách thung lũng Nàng Lu (nơi đã nhìn thấy loài này vào buổi sáng) khoảng 1,5 km về phía bắc và hai khu vực này cách nhau bởi một dãy núi. Do đó, có thể đây là hai đàn khác nhau. Kết hợp giữa số liệu phỏng vấn và số liệu thực tế cho thấy có 2 đàn Voọc xám với tổng số khoảng 22-25 cá thể, thậm chí có thể lên tới 38 cá thể còn tồn tại ở khu vực Nả Háng, hơn nữa cả 2 đàn này đang sinh sản.

Săn bắn là mối đe dọa nghiêm trọng nhất đến quần thể Voọc xám ở Chế Tạo hiện nay. Anh Sử cho biết năm 1993, một thợ săn ở bản Tà Đông bắn được 9 con Voọc xám trong một lần đi săn ở thung lũng Chua La. Điều này làm cho số lượng của quần thể Voọc xám giảm sút, và chỉ vài trường hợp tương tự như thế này xảy ra sẽ dẫn đến hậu quả quần thể bị diệt vong.

Vượn đen tuyền *Nomascus concolor concolor*

Hàng ngày đều nghe thấy tiếng Vượn hót trong khoảng thời gian từ 20-24/4/2001. Hầu hết các ngày đều nghe được ít nhất 4 đàn. Vượn thường tập trung hót vào khoảng từ 06h00-07h00, đợt hót dài nhất là của một con đực khoảng 19 phút. Ngày 24/4/2001 tại thung lũng Nàng Lu nhìn thấy một đàn Vượn gồm 1 con cái, 2 con đực và một con non đã chuyển sang màu đen (toạ độ 21°38'N 104°04'E). Quần thể Vượn này đã được nghiên cứu kỹ trong đợt khảo sát trước đây (Tallents và cộng sự 2000, Long và cộng sự 2000).

Khỉ mặt đỏ *Macaca arctoides*

Ngày 23/4/2001 nhìn thấy rất nhiều phân của loài này dọc theo suối Nàng Lu (toạ độ 21°38'N 104°04'E) ở độ cao 1100m. Anh Sử cũng xác định đây là phân của Khỉ mặt đỏ và cho biết đàn đó có khoảng 20-30 cá thể ở thung lũng Nàng Lu.

3.3 Kết luận

Các cuộc khảo sát trước đã xác định Chế Tạc là một điểm quan trọng có tầm cỡ quốc tế cho bảo tồn loài Vượn đen tuyền. Kết quả của đợt khảo sát này xác nhận thêm sự tồn tại của Voọc xám là loài từ trước tới nay mới chỉ có thông tin từ phỏng vấn. Tuy nhiên, sự phân bố của Voọc xám ở Chế Tạc vẫn còn chưa biết được đầy đủ, và kích thước quần thể này cũng không lớn. Mặc dù như thế, Chế Tạc vẫn là một trong rất ít nơi còn lại ở Việt Nam gần đây có ghi nhận về loài này. Như vậy, quần thể Voọc xám ở Chế Tạc rất có ý nghĩa trong việc bảo tồn loài này ở Việt Nam.

3.4 Kiến nghị

1. Cần có các cuộc khảo sát tiếp theo nhằm xác định tình trạng và phân bố của Voọc xám ở các khu vực khác của Chế Tạc. Các khảo sát nên sử dụng phỏng vấn với những người dân hiểu biết sau đó triển khai điều tra ngoài thực địa để xác nhận sự có mặt của chúng trong khu vực có thông tin từ phỏng vấn.
2. Hiện tại, mối đe dọa lớn nhất đối với quần thể Voọc xám ở đây là săn bắt. Các biện pháp bảo vệ nên thực hiện là nâng cao nhận thức bảo tồn và xây dựng quy ước thôn bản không săn bắt loài này.
3. Về lâu dài, sự chia cắt và mất sinh cảnh sẽ là mối đe dọa lớn nhất tới quần thể Voọc xám vốn đã quá nhỏ để có thể phát triển tốt trong tương lai, trừ khi quần thể này có sự liên hệ về nguồn gen với các quần thể khác ở những khu rừng bên cạnh. Việc quản lý rừng ở đây nên tập trung vào bảo vệ rừng hiện có và thiết lập hành lang rừng với những khu vực có rừng lân cận có thể có các quần thể khác của loài này.

1. Bò sát và Lưỡng cư

4.1 Phương pháp

Bò sát và lưỡng cư được quan sát trực tiếp trong quá trình khảo sát. Khi cần thiết, có thể bắt chúng để chụp ảnh, mô tả sau đó thả lại nơi đã bắt. Khảo sát bò sát, lưỡng cư chủ yếu thực hiện vào ban đêm trong khoảng thời gian từ 19h00-21h00, và tập trung vào các điểm bò sát lưỡng cư thường sinh sống như suối, ao, vũng nước, ruộng lầy. Tại một số khu vực phù hợp còn tiến hành khảo sát cả ban ngày. Các quan sát, ghi nhận ngẫu nhiên cũng được duy trì trong suốt quá trình điều tra. Ngoài ra, cũng tiến hành phỏng vấn người dân địa phương để thu thập thông tin về các loài bò sát để định loại như một số loài rùa.

Tại khu vực rừng thường xanh trên núi cao dọc theo đường đông phía bắc thung lũng Nàng Lu ở độ cao từ 2000m - 2200m đã tiến hành khảo sát 5 đêm. Dọc theo suối Nàng Lu ở khu vực rừng thường xanh trên núi thấp, độ cao khoảng 1200m đã khảo sát 1 đêm. Tại khu vực trồng cỏ cây bụi, đất nông nghiệp, và các sinh cảnh bị con người tác động gần các bản Nả Háng, Phình Hồ đã tiến hành khảo sát 3 đêm.

4.2 Kết quả

Tổng số 15 loài bò sát và 18 loài lưỡng cư đã được ghi nhận trong quá trình khảo sát (Phụ lục 2). Hầu hết các loài đều được quan sát và ghi nhận trực tiếp trừ 6 loài bò sát ghi nhận gián tiếp từ phỏng vấn. Trong số này còn 4 loài mới chỉ xác định được tới giống. Vì không thu mẫu vật nên danh lục các loài trong phụ biểu 2 chỉ là những kết quả định loại sơ bộ.

Trong số các loài bò sát đã ghi nhận được có 3 loài được xếp trong *Sách Đỏ thế giới IUCN 2000* (IUCN 2000) là Rùa đầu to *Platysternon megacephalum*, Rùa núi viên *Manouria impressa* và Trăn đất *Python molurus*. Cả 3 loài này không quan sát được trên thực địa chỉ mới có thông tin từ phỏng vấn.

4.3 Kết luận

Kết quả khảo sát về Đa dạng sinh học bò sát và lưỡng cư trong đợt này chỉ là những kết quả ban đầu ở Chế Tạo và khu vực phụ cận. Tại Khu bảo tồn Hoàng Liên nơi cũng có những sinh cảnh tương tự như ở khu vực Chế Tạo đã ghi nhận được 42 loài lưỡng cư (Ohler và cộng sự, 2000). Do đó, dù chỉ có 18 loài lưỡng cư được ghi nhận trong đợt này ở Chế Tạo nhưng có thể dự đoán rằng mức độ đa dạng sinh học ở khu vực này còn cao hơn nhiều. Và cũng có thể dự đoán tương tự về mức độ đa dạng sinh học của khu hệ bò sát ở đây.

Các mối đe dọa chủ yếu tới các loài bò sát và lưỡng cư ở Chế Tạo là mất môi trường sống và bị khai thác quá mức. Người dân nói rằng tất cả các loài lưỡng cư (cóc nhá) đều có thể ăn được và hầu hết các loài rùa, rắn đều bị bắt đem bán. Khai thác quá mức có thể là mối đe dọa duy nhất tới quần thể của các loài rùa, rắn trong đó có Rùa đầu to *Platysternon megacephalum* và Rùa núi viên *Manouria impressa* là các loài đang bị đe dọa ở mức độ toàn cầu hiện nay.

4.4 Kiến nghị

1. Các khảo sát tiếp theo nên được tiến hành để hoàn thiện phần đánh giá sự đa dạng cũng như phân bố của các loài bò sát, lưỡng cư ở Chế Tạo. Các khảo sát nên thực hiện vào những thời điểm khác nhau trong năm theo thứ tự để có thể phát hiện đầy đủ các loài trong các giai đoạn hoạt động khác nhau trong đó có cả việc thu mẫu nhằm phục vụ cho công tác định loại được chính xác hơn.
2. Các khảo sát tiếp theo là cần thiết để đánh giá tầm quan trọng của Chế Tạo về bảo tồn đối với Rùa đầu to và Rùa núi viên nhằm xác định các mối đe dọa tới quần thể của chúng và đề xuất những biện pháp bảo vệ.

Tài liệu tham khảo

- BirdLife International (2000) *Threatened birds of the world*. Barcelona and Cambridge, U.K.: Lynx Edicions and BirdLife International.
- Cox, M. J., van Dijk, P. P., Nabhitabhata, J. and Thirakhupt, K. (1998) *Snakes and other reptiles of Thailand and Southeast Asia*. Bangkok: Asia Books.
- Grieser Johns, A. ed. (2000) *Pu Mat: a biodiversity survey of a Vietnamese protected area*. Vinh: Social Forestry and Nature Conservation in Nghe An Province.
- Inskipp, T., Lindsey, N. and Duckworth, W. (1996) *Annotated checklist of the birds of the Oriental Region*. Sandy, Bedfordshire: Oriental Bird Club.
- IUCN (2000) *2000 IUCN Red List of Threatened Species*. Gland and Cambridge: IUCN.
- Long, B., Le Khắc Quyet and Le Trong Dat (2000) Unpublished report to Fauna & Flora International Indochina Programme.
- Nguyễn Văn Sáng và Hồ Thu Cúc (1996). *Danh lục bò sát và ếch nhái Việt Nam*. Nhà xuất bản KHKT. Hà Nội.
- Ohler, A., Marquis, O., Swan, S. and Grosjean, S. (2000) Amphibian biodiversity of Hoang Lien Nature Reserve (Lao Cai province, northern Vietnam) with description of two new species. *Herpetozoa* 13: 71-87.
- Stattersfield, A. J., Crosby, M. J., Long, A. J. and Wege, D. C. (1998) *Endemic bird areas of the world: priorities for biodiversity conservation*. Cambridge, U.K.: BirdLife International.
- Tordoff, A., Swan, S., Grindley, M. and Siurua, H. (1999) *Hoang Lien Nature Reserve: biodiversity survey and conservation evaluation 1997/8*. London: Society for Environmental Exploration.

Phụ lục 1. Danh lục chim ở khu vực xã Chế Tạo và phụ cận

Số thứ tự.	Tên thường gọi	Tên bậc phân loại Bộ, Họ, Giống và Loài	Ghi chú
		Bộ Gà Galliformes	
		Họ Trĩ Phasianidae	
1	Đa đa	<i>Francolinus pintadeanus</i>	
2	Gà so họng đen	<i>Arborophila torqueola</i>	
3	Gà so họng hung	<i>Arborophila rufogularis</i>	
4	Gà so	<i>Bambusicola fytchii</i>	
5	Gà lĩ trắng	<i>Lophura nycthemera</i>	
6	Gà tiền xám	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>	
		Bộ Gõ kiến Piciformes	
		Họ Cu rốc Megalaimidae	
7	Thầy chùa lớn	<i>Megalaima virens</i>	
8	Cu rốc đầu vàng	<i>Megalaima franklinii</i>	
		Bộ Hồng hoàng Bucerotiformes	
		Họ Hồng hoàng Bucerotidae	
9	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>	VU
		Bộ Nước Trogoniformes	
		Họ Nước Trogonidae	
10	Nước bụng đỏ	<i>Harpactes erythrocephalus</i>	
		Bộ Cu cu Cuculiformes	
		Họ Cu cu Cuculidae	
11	Chèo chèo lớn	<i>Hierococcyx sparveroides</i>	
12	Chèo chèo nhỏ	<i>Hierococcyx fugax</i>	
13	Cu cu	<i>Cuculus canorus</i>	
14	Cu cu Phụng đ ông	<i>Cuculus saturatus</i>	
15	Cu cu đen	<i>Surniculus lugubris</i>	
		Họ Bìm bịp Centropodidae	
16	Bìm bịp lớn	<i>Centropus sinensis</i>	
17	Bìm bịp nhỏ	<i>Centropus bengalensis</i>	
		Bộ Yến Apodiformes	
		Họ Yến Apodidae	
18	Yến đ uôi nhọn lưng bạc	<i>Hirundapus cochinchinensis</i>	
		Bộ Cú Strigiformes	
		Họ Cú Mèo Strigidae	
19	Cú vọ mặt trắng	<i>Glaucidium brodiei</i>	
		Họ Cú muỗi Caprimulgidae	
20	Cú muỗi	<i>Caprimulgus</i> sp.	
		Bộ Bồ cầ u Columbiformes	
		Họ Bồ cầ u Columbidae	
21	Gầm ghi vằn	<i>Macropygia unchall</i>	
		Bộ Rẻ Ciconiiformes	
		Họ Choắ t Scolopacidae	
22	Choắ t nhỏ	<i>Actitis hypoleucos</i>	
		Họ Ưng Accipitridae	
23	Ưng ấn đ ộ	<i>Accipiter trivirgatus</i>	
		Bộ Sẻ Passeriformes	

Số thứ tự.	Tên thường gọi	Tên bậc phân loại Bộ, Họ, Giống và Loài	Ghi chú
		Họ Quạ Corvidae	
24	Giẻ cùi xanh	<i>Cissta chinensis</i>	
25	Phường chèo đở mỏ ngắn	<i>Pericrocotus brevirostris</i>	
26	Dẻ quạ bụng vàng	<i>Rhipidura hypoxantha</i>	
27	Dẻ quạ họng trắng	<i>Rhipidura albicollis</i>	
28	Chèo béo xám	<i>Dicrurus leucophaeus</i>	
29	Chèo béo bờm	<i>Dicrurus hottentottus</i>	
		Họ Lội suối Cinclidae	
30	Lội suối	<i>Cinclus pallasii</i>	
		Họ Đớp ruồi Muscicapidae	
31	Hoét đở uôi cụt mày trắng	<i>Brachypteryx leucophrys</i>	
32	Đớp ruồi xanh xám	<i>Eumyias thalassina</i>	
33	Đớp ruồi lớn	<i>Niltava grandis</i>	
34	Đớp ruồi họng hung	<i>Cyornis banyumas</i>	
35	Đuôi đở đở đầu xám	<i>Rhyacornis fuliginosus</i>	
36	Chích chèo nước đở đầu trắng	<i>Enicurus leschenaulti</i>	
37	Sẻ bụi đở đầu đen	<i>Saxicola torquata</i>	
38	Sẻ bụi xám	<i>Saxicola ferrea</i>	
		Họ Bạc má Paridae	
39	Bạc má mào	<i>Parus spilonotus</i>	
		Họ Nhạn Hirundinidae	
40	Nhạn bụng trắng	<i>Hirundo rustica</i>	
		Họ Chèo mào Pycnonotidae	
41	Bông lau ngực nâu	<i>Pycnonotus xanthorrhous</i>	
42	Cành cạch núi	<i>Hypsipetes mcclllandii</i>	
43	Cành cạch đen	<i>Hypsipetes leucocephalus</i>	
		Họ Chiền chiện đở Cisticolidae	
44	Chiền chiện núi họng trắng	<i>Prinia atrogularis</i>	
		Sylviidae	
45	Khướu cụt đở uôi bụng vàng	<i>Tesia castaneocoronata</i>	
46	Khướu cụt đở uôi	<i>Tesia cyaniventer</i>	
47	Chích bông đở đầu vàng	<i>Orthotomus cuculatus</i>	
48	Chích mày xám	<i>Phylloscopus maculipennis</i>	
49	Chích mày lớn	<i>Phylloscopus inornatus</i>	
50	Chích đở ruồi đở đầu đen	<i>Seicercus burkii</i>	
51	Chích đở ruồi đở đầu hung	<i>Seicercus castaniceps</i>	
52	Chích đở ruồi mỏ rộng	<i>Tickellia hodgsoni</i>	RRS
53	Chích đở ruồi mặt đen	<i>Abroscopus schisticeps</i>	
54	Khướu đở đầu hung	<i>Garrulax erythrocephalus</i>	
55	Khướu đở uôi đở	<i>Garrulax milnei</i>	
56	Khướu đở uôi cụt	<i>Rimator malacoptilus</i>	
57	Khướu đở đất đở uôi cụt Pygmy	<i>Pnoepyga pusilla</i>	
58	Khướu đở đất đở uôi dài	<i>Spelaeornis chocolatinus</i>	
59	Kim oanh tai bạc	<i>Leiothrix argentauris</i>	
60	Kim oanh mỏ đở	<i>Leiothrix lutea</i>	
61	Khướu mỏ quặp cánh vàng	<i>Pteruthius aenobarbus</i>	
62	Khướu vằn gáy xanh	<i>Actinodura souliei</i>	
63	Khướu lùn cánh xanh	<i>Minla cyanouroptera</i>	
64	Khướu lùn đở uôi hung	<i>Minla strigula</i>	

Số thứ tự.	Tên thường gọi	Tên bậc phân loại Bộ, Họ, Giống và Loài	Ghi chú
65	Khướu lùn đười đở	<i>Minla ignotincta</i>	
66	Lách tách ngực vàng	<i>Alcippe chrysotis</i>	
67	Lách tách đầ ầu đ ố m	<i>Alcippe castaneiceps</i>	
68	Lách tách họng vạc	<i>Alcippe cinereiceps</i>	
69	Lách tách đầ ầu nâ u	<i>Alcippe dubia</i>	
70	Lách tách đầ ầu xám	<i>Alcippe morrisonia</i>	
71	Mi đầ ầu đ ẻ n	<i>Heterophasia melanoleuca</i>	
72	Khướu mào cổ hung	<i>Yuhina flavicollis</i>	
73	Khướu mào họng đ ố m	<i>Yuhina gularis</i>	
74	Khướu mỏ dẹt đầ ầu xám	<i>Paradoxornis gularis</i>	
75	Khướu mỏ dẹt vàng	<i>Paradoxornis verreauxi</i>	
		Họ Hút mật Nectariniidae	
76	Chim sâ u ngực đ ỏ	<i>Dicaeum ignipectus</i>	
77	Hút mật họng vàng	<i>Aethopyga gouldiae</i>	
78	Hút mật Nê pan	<i>Aethopyga nipalensis</i>	
		Họ Sẻ Passeridae	
79	Sẻ	<i>Passer montanus</i>	
80	Chìa vôi trắng	<i>Motacilla alba</i>	
		Họ Sẻ thông Fringillidae	
81	Sẻ đ ồng mào	<i>Melophus lathamii</i>	

Chú thích

Tên các loài chim và trật tự phân loại theo Inskipp và cộng sự (1996).

Ghi chú: VU = Loài sắp bị đe dọa theo Tổ chức bảo tồn Chim Quốc tế (2000); RRS = Các loài có phân bố hẹp theo Stattersfield và cộng sự (1998).

Phụ lục 2. Danh lục sơ bộ bò sát, lưỡng cư khu vực xã Chế Tạo và phụ cận

Số thứ tự	Tên bậc phân loại Lớp, Bộ, Họ, Giống, Loài	Nguồn tài liệu	Sinh cảnh	Ghi chú
	Lớp Bò sát Reptilia			
	Bộ có vảy Squamata			
	Họ Nhông Agamidae			
1	Ô rô vảy <i>Acanthosaura lepidogaster</i>	O	2	
	Họ Thằn lằn bóng Scincidae			
2	Thằn lằn bóng đ uôi dài <i>Mabuya longicaudata</i>	O	3	
	Họ Thằn lằn chính thức Lacertidae			
3	Liu đ iu chỉ <i>Takydromus sexlineatus</i>	O	3	
	Họ Trăn Boidae			
4	Trăn đ ất <i>Python molurus</i>	I	2,3	NT
	Họ Rắ n mống Xenopeltidae			
5	Rắ n mống <i>Xenopeltis unicolor</i>	I	3	
	Họ Rắ n nước Colubridae			
6	Rắ n sọc đ ốm đ ỏ <i>Elaphe porphyracea</i>	O	1	
7	Rắ n sọc dưa <i>Elaphe radiata</i>	O	3	
8	Rắ n hoa cỏ đ ại <i>Rhabdophis nigrocinctus</i>	O	3	
9	Rắ n hoa cỏ nhỏ <i>Rhabdophis subminiatus</i>	O	3	
10	Rắ n vòi <i>Rhynchophis boulengeri</i>	O	2	
11	Rắ n bông <i>Enhydris</i> sp.	O	3	
	Họ Rắ n hổ Elapidae			
12	Rắ n cạp nong <i>Bungarus fasciatus</i>	I	3	
	Họ Rắ n lục Viperidae			
13	Rắ n lục mép <i>Trimeresurus cf. albolabris</i>	I	1,2	
	Bộ Rùa Testudinata:			
	Họ Rùa đầu to Platysternidae			
14	Rùa đầu to <i>Platysternon megacephalum</i>	I	1	EN
	Họ Rùa núi Testudinidae			
15	Rùa núi viên <i>Manouria impressa</i>	I	1	VU
	Lớp Ếch nhấ Amphibia			
	Bộ Không đ uôi Anura:			
	Họ Cóc bùn Megophryidae			
16	Cóc mảy bùn <i>Leptolalax pelodytoides</i>	O	1	
17	Cóc mảy <i>Megophrys minor</i>	O	1	
	Họ Cóc Bufonidae			
18	Cóc nhà <i>Bufo melanostictus</i>	O	3	
19	Cóc rừng <i>Bufo</i> sp.	O	1	
	Họ Nhấ bén Hylidae			
20	Nhấ bén <i>Hyla cf. annectans</i>	O	1	
	Họ Ếch nhấ Ranidae			
21	Ếch bán đ á <i>Amolops</i> sp.	O	1,2	
22	Ngoé <i>Fejervarya limnocharis</i>	O	3	
23	Ếch nhẽo <i>Limnonectes kuhlii</i>	O	2	
24	Ếch gai sần <i>Paa verrucospinosa</i>	O	1,2	
25	Chàng An đ ec sôn <i>Rana andersoni</i>	O	1	

Số thứ tự	Tên bậc phân loại Lớp, Bộ, Họ, Giống, Loài	Nguồn tài liệu	Sinh cảnh	Ghi chú
26	Ếch xanh <i>Rana livida</i>	O	3	
27	Ếch <i>Rana</i> sp.	O	1	
28	Chàng Đài bắc <i>Rana taipehensis</i>	O	3	
	Họ Ếch cây Polypelidae			
29	Nhà cây <i>Philautus</i> sp.	O	1	
30	Ếch cây <i>Polypedates</i> cf. <i>megacephalus</i>	O	2,3	
31	Ếch cây mép trắng <i>Polypedates</i> cf. <i>leucomystax</i>	O	2,3	
	Họ Nhái bầu Microhylidae			
32	Nhái bầu Hà y môn <i>Microhyla heymonsi</i>	O	3	
33	Nhái bầu vẽ <i>Microhyla pulchra</i>	O	3	

Chú thích

Tên các loài bò sát, ếch nhái và trật tự phân loại theo Cox và cộng sự (1998), và Ohler và cộng sự (2000).

Nguồn tài liệu: O = Quan sát hoặc chụp ảnh và thả. I = Phỏng vấn.

Sinh cảnh: 1 = Rừng nguyên sinh trên núi cao; 2 = Rừng thứ sinh trên núi cao; 3 = Trảng cỏ, cây bụi và các sinh cảnh khác bị con người tác động.

Ghi chú: EN = Loài nguy cấp; VU = Loài sắp nguy cấp; NT = Sắp nguy cấp. Theo tiêu chuẩn của IUCN (2000).